

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HN-ST

Ngày: 23-5-2023

*“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuôi

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo

- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Kim P, sinh năm 1981; Địa chỉ thường trú: ấp P1, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; Ở hiện nay: ấp B, xã P, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thanh D, sinh năm 1980; Địa chỉ thường trú: ấp P1, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; Ở hiện nay: ấp P2, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị P có mặt, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 24/3/2023, trong quá trình tố tụng, chị Ngô Thị Kim P trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Lê Thanh D. Lý do: Chị và anh D do mai mối tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B Đông (nay là xã B) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày

19/3/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại ấp P1, xã B. Trong quá trình sống chung, thời gian đầu có hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn thường hay cãi vã, bất đồng quan điểm.

Tại phiên tòa, chị trình bày bổ sung cho rằng anh D cờ bạc, chửi mắng chị, thường xuyên vắng nhà, không quan tâm chị, vợ chồng xảy ra xô xát vài lần do cãi nhau, nhiều khi không có lý do cụ thể nhưng anh D cũng đánh chị. Chị cho rằng tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, nhiều lần cố gắng hàn gắn đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm không còn nên xin ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Lê Trọng D1, sinh năm 2001, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có. Đối với số nợ mà anh D khai khi chị đi để lại cho anh D trả là nợ chung của vợ chồng. Nay anh D đã trả xong, chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Thanh D có lời trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2023:

1. Chị P xin ly hôn, anh đồng ý. Nguyên nhân do trước đây vợ chồng sống chung có gây cãi, sau đó chị P bỏ đi khoảng 02 năm, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần nên anh đồng ý ly hôn.

2. Về con chung là Lê Trọng D1, sinh năm 2001, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Khi chị P bỏ đi để lại số nợ lớn, anh có trả nợ cho người khác khoảng 200.000.000 đồng, hiện không còn nợ và anh cũng không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

Anh xin vắng mặt các lần Tòa án triệu tập do bận công việc.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt sự triệu tập. Bị đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt, có lý do.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Kim P; Con chung: Lê Trọng D1, sinh năm 2001, đã trưởng thành, không ai yêu cầu nên không xem xét; Tài sản chung: Không yêu cầu; Nợ chung: Không có, đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Ngô Thị Kim P, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”; Trong đó xác định chị Ngô Thị Kim P là nguyên đơn, anh Lê Thanh D là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Lê Thanh D là bị đơn có đơn xin vắng mặt theo giấy triệu tập do bận công việc nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Kim P, thấy rằng:

Tại phiên tòa, chị P vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn.

Anh D vắng mặt nhưng cũng có ý kiến đồng ý ly hôn.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh D là có thật. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, xảy ra cự cãi, thiếu sự quan tâm, chăm sóc nhau không tìm được tiếng nói chung làm cho tính cảm phai nhạt dần. Đã có một thời gian dài không còn sống chung, trong thời gian này vợ chồng cũng không có hướng hòa giải đoàn tụ nên mâu thuẫn ngày càng nhiều đến nay đã đến mức trầm trọng. Tòa án đã tạo điều kiện triệu tập vợ chồng đến Tòa để hòa giải nhằm tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng anh D không đến Tòa và có ý kiến cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng minh anh D cũng không có thiện chí hòa giải với chị P. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Lê Trọng D1, sinh năm 2001. Xét thấy con đã trưởng thành, không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị P và anh D đều trình bày không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị P, anh D trình bày hiện nay không có nợ, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị P chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Kim P.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Ngô Thị Kim P được ly hôn với anh Lê Thanh D.
2. Về con chung: Lê Trọng D1, sinh năm 2001, đã trưởng thành, không yêu cầu, không giải quyết.
3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Ngô Thị Kim P và anh Lê Thanh D không yêu cầu, không giải quyết.
4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Ngô Thị Kim P và anh Lê Thanh D trình bày hiện nay không có nợ, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Ngô Thị Kim P phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004694 ngày 07 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng